

Bản án số: 05 / 2020 / HNGĐ - ST  
Ngày : 18/ 8/ 2020  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Văn Công và ông Lê Thanh Thu.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Hải Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26 /2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Q - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm 1, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Phố Thượng T, thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị Q còn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt (anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Phạm Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ, sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn tại UBND thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh vào ngày 16 tháng 4 năm 2015, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh Đ về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Đ tại thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì mâu thuẫn phát sinh, trong cuộc sống giữa chị và anh Đ thường xảy ra sự bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, chị và anh Đ mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra. Đến tháng 10/2019 chị đã thu xếp quần áo và tư trang của mình rồi chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã Khánh C để sinh sống, chị và anh Đ ly thân kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh Đ không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con: Từ khi kết hôn đến nay chị và anh Nguyễn Văn Đ có hai người con chung, tên cháu là Nguyễn Minh T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2016, hiện cháu đang do anh Đ nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2018, hiện nay cháu đang do chị Q nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Bích L cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Minh T cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị và anh Đ không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về con riêng chị và anh Đ không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Từ khi kết hôn đến nay chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trả lời và tự khai bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Q sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 6 tháng, thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh vào ngày 16 tháng 4 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại thị trấn Yên N, anh và chị Q chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Q không quan tâm tới gia đình và con cái, từ đó anh và chị Q hay cãi chửi nhau. Đến tháng 01 năm 2020 thì chị Q đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 1, xã Khánh C để ở, anh và chị Q cũng ly thân kể từ đó cho đến nay, anh và chị Q cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng việc chị Q xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con: Anh và chị Q cho đến nay có 2 người con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2016 và cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2018, hiện cháu T đang do anh nuôi dưỡng, còn cháu L đang do chị Q nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, nay anh Đ không nhất trí ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Cho đến nay anh và chị Q không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh Đ vắng mặt tại phiên tòa vì anh có đơn xin xét xử vắng mặt anh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Phạm Thị Q xử cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 13

tháng 6 năm 2016 cho anh Nguyễn Văn Đ, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2018 cho chị Phạm Thị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí chị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị Q còn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt vì anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 tại UBND thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh, sau khi cưới chị và anh Đ về chung sống cùng với bố mẹ anh Đ tại thị trấn Yên N. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Đến tháng 9 năm 2019 chị Q đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã Khánh C, huyện Yên Khánh để sinh sống. Chị và anh Đ đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, trong thời gian này chị và anh Đ không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù anh chị đã được gia đình khuyên bảo song anh chị không thể hòa hợp được. Tại phiên tòa chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn và anh không nhất trí ly hôn, nhưng anh không có tài liệu gì để chứng minh cho quan điểm của anh. Căn cứ vào các tài liệu chị Q xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị Q và anh Đ trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Q xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ cho đến nay có hai con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2016, hiện cháu T đang do anh Đ nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2018, hiện nay cháu L đang do chị Q nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị Q yêu cầu Tòa án giao cháu L cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị và anh Đ không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho

nhau. Xét về yêu cầu và điều kiện nuôi con của chị Q và anh Đ là như nhau, chị Q và anh Đ hiện đang nuôi mỗi người một cháu, như vậy quyền lợi của các cháu đã được đảm bảo, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng và giao cháu L cho chị Q nuôi dưỡng và không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp. Về con riêng không ai có nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị Q và anh Đ đều xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Phạm Thị Q là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2018 cho chị Phạm Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2016 cho anh Nguyễn Văn Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có tài sản, về công nợ và đất nông nghiệp không có nên không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002170 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND thị trấn Yên N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**